



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3 (DRL)
HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY- POWER NO.3

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Tel: 05013. 684 888; Fax: 05013. 684 666

Email: thuydiendl3@gmail.com; Website: pc3hp.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **NĂM 2012**

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3



Đắk Nông, tháng 3 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3
Năm 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch :

- Tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3

- Tiếng Anh:

HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY - POWER NO.3

- Viết tắt:

PC3HP.Co

Logo :



PC3HP.Co

**Giấy chứng
nhận ĐKKD :**

Số 6303000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp
ngày 07/07/2008

Vốn điều lệ :

95.000.000.000 đồng (*Chín mươi lăm tỷ đồng chẵn*)

Vốn đầu tư

**của chủ sở
hữu :**

95.000.000.000 đồng (*Chín mươi lăm tỷ đồng chẵn*)

Địa chỉ :

Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Số điện thoại :

05013 684 888

Số fax :

05013 684 666

Website :

pc3hp.com.vn

E-mail :

thuydiendl3@gmail.com; pc3hp@pc3hp.com.vn

Mã cổ phiếu :

DRL - tại sàn Giao dịch chứng khoán TP HCM

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 là đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 có công suất lắp máy $2 \times 8 = 16$ MW được hình thành và phát triển qua các giai đoạn như sau:

- 20/11/2003** Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 20/11/2003 với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 95 tỷ đồng.
- 16/12/2003** Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (Nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) có Quyết định số 418/QĐ-EVN-HĐQT, về việc chuyển giao công trình thủy điện Đrây H'Linh 2 sang cho Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.
- 03/02/2004** Bộ Công nghiệp đã có văn bản số 411/CV-NLTK về việc đồng ý cho Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 làm chủ đầu tư công trình Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2
- 11/2006** Tổ máy số 1 nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 chính thức vận hành phát điện thương mại hòa vào lưới điện quốc gia.
- 01/2007** Nhà máy Thủy điện Đrây H'linh 2 chính thức vận hành phát điện thương mại với 2 tổ máy có công suất: $2 \times 8 = 16$ MW.
- 07/07/2008** Hoàn thành việc di chuyển và đăng ký trụ sở chính của Công ty đến địa điểm mới tại xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 số 6303000078, với số vốn điều lệ vẫn là 95 tỷ đồng.
- 11/04/2012** Cổ phiếu của công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: DRL.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

* Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.
- Tư vấn các công trình điện.
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện; các công trình đường dây, trạm biến thế điện; các công trình xây dựng dân dụng - công nghiệp.

* Địa bàn kinh doanh: tại tỉnh Đắk Nông và tỉnh Đắk Lắk.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

* Mô hình quản trị công ty:

Công ty được tổ chức gọn nhẹ để giảm thiểu và triệt tiêu những lãng phí không cần thiết, và hướng đến hiệu quả cao nhất cho cổ đông. Tổng số cán bộ công nhân viên chỉ có 32 người.

Tổ chức Bộ máy quản trị điều hành Công ty gồm có:

- Bộ phận quản lý:

+ Giám đốc điều hành: 01 người

+ Kế Toán trưởng: 01 người

- Phòng nghiệp vụ: Gồm 01 Trưởng phòng, và 02 Bộ phận: Tổng hợp và Kế toán

+ Bộ phận Tổng hợp: Gồm 02 chuyên viên.

+ Bộ phận Kế toán: Gồm 01 kế toán viên.

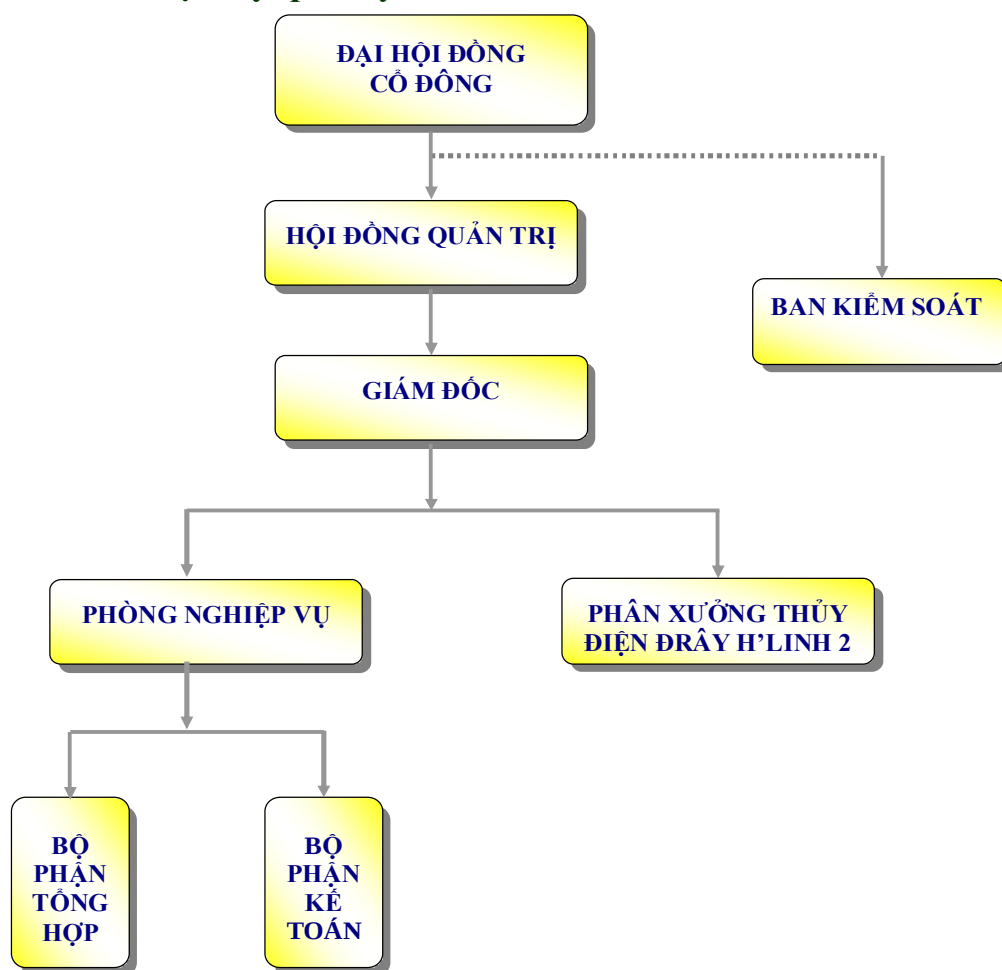
- Phân xưởng vận hành nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2: Gồm

+ 01 Quản đốc phụ trách phân xưởng

+ 04 kíp vận hành: mỗi kíp vận hành có 01 Trưởng ca điều hành và 3 nhân viên vận hành.

+ 02 nhân viên sửa chữa.

* Cơ cấu bộ máy quản lý:



*** Các công ty con, công ty liên kết:**

- Hiện tại, Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 không có công ty mẹ và công ty con.

- Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty nào và cũng không bị Công ty nào nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

5. Định hướng phát triển:*** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty hiện nay là tập trung vào công tác vận hành kinh doanh Nhà máy Thủy điện Dray H'Linh 2 một cách an toàn và hiệu quả, phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện thương phẩm theo kế hoạch hàng năm đề ra.

*** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hiện tại Công ty chưa triển khai đầu tư cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới ngoài sản xuất kinh doanh điện năng. Tuy nhiên trong tương lai gần, để khai thác tốt các tiềm năng vật chất, tài chính và nhân sự của Công ty, HĐQT đã giao cho Giám đốc tìm kiếm cơ hội đầu tư kinh doanh có hiệu quả theo các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, nhưng trước mắt và chủ yếu là tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi – Đầu tư và xây dựng, sản xuất kinh doanh điện năng thủy điện, cụ thể là tìm kiếm các dự án thủy điện hiệu quả trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên để đầu tư nhằm mục đích mở rộng phát triển Công ty.

*** Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3 thời gian qua đã thực hiện tốt về vấn đề bảo vệ môi trường thể hiện qua đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-BTNMT, ngày 07 tháng 03 năm 2013. Trong thời gian tới công ty sẽ thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát và quản lý môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để kịp thời triển khai nhằm giảm thiểu thiệt hại đến đời sống cộng đồng và môi trường tự nhiên.

6. Các rủi ro:**6.1. Rủi ro về kinh tế:**

Việt Nam là một trong những nước sớm vượt qua giai đoạn khó khăn và phục hồi nhanh sau khủng hoảng tài chính toàn cầu. Cũng như bao ngành khác, ngành điện cũng chịu rủi ro từ sự điều chỉnh của chu kỳ kinh tế, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của các đơn vị thủy điện ít hơn so với các đơn vị khác trong ngành điện.

Một yếu tố đầu vào rất quan trọng của toàn bộ nền kinh tế chính là năng lượng điện. Sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng. Tuy nhiên đối với nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, sau nhiều năm thiếu hụt

đầu tư phát triển điện năng, sức cầu luôn vượt sức cung ngay cả trong hoàn cảnh suy thoái kinh tế thế giới trong năm 2008 và 2009. Đặc điểm này có lẽ sẽ tiếp tục được duy trì trong nhiều năm tới.

Trong giai đoạn hiện nay, an ninh năng lượng vẫn được Chính phủ nhận định là một trong những thách thức lớn của đất nước, có thể xuất hiện nguy cơ thiếu điện trong những năm tới nếu không có các giải pháp khắc phục kịp thời. Vì vậy, sự ảnh hưởng kinh tế đối với thị trường đầu ra của điện năng do Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 sản xuất là không đáng kể.

6.2. Rủi ro về luật pháp:

Với hệ thống pháp luật hiện tại, khả năng vẫn có thể có những thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế.... Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao bởi đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư, nên có nhiều khả năng có những thay đổi về pháp lý theo hướng có lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

6.3. Rủi ro về lãi suất:

Quý 1 năm 2012, Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3 đã thực hiện hoàn trả cho ngân hàng tất cả các khoản vay đầu tư vào nhà máy thủy điện Đăk H'Linh 2. Hiện tại công ty không còn các khoản nợ ngân hàng nào, nên rủi ro về lãi suất là không có.

6.4. Rủi ro về biến động giá bán điện:

Năm 2008, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 18/2008/QĐ-BCT, ngày 18 tháng 07 năm 2008 về việc ban hành Quy định về biểu giá chi phí tránh được và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các nhà máy điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo.

Năm 2011, Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 đã thực hiện việc ký kết hợp đồng với bên mua điện là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết ban hành hàng năm. Từ khi áp dụng biểu giá chi phí tránh được đến nay thì giá bán điện trung bình hàng năm của Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3 được điều chỉnh tăng từ 5 - 15 %. Việc tăng giá bán điện của Cục Điều tiết dẫn tới ảnh hưởng có lợi về giá bán điện của Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3.

6.5. Rủi ro về đặc thù về ngành sản xuất kinh doanh thủy điện:

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể

gây thiệt hại về đường xá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Tình hình cung ứng điện năm 2010 đã gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt ở các tháng mùa khô, do tình hình hạn hán nghiêm trọng kéo dài làm suy giảm công suất và sản lượng các nhà máy thủy điện, nhu cầu điện tăng cao do nắng nóng. Năm 2011 và 2012 hạn hán đã không xảy ra nên kết quả kinh doanh của Công ty khả quan. Tuy nhiên rủi ro về thời tiết tồn tại trong toàn bộ thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn cố gắng nắm vững những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đê đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Sản lượng điện thương phẩm đạt: 80.695.290 kWh.
- Tổng doanh thu đạt: 67.451 triệu đồng
- Tổng chi phí: 27.143 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 40.308 triệu đồng
- Thuế TNDN: 1.720 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 38.588 triệu đồng

* Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đã hoàn thành vượt kế hoạch các nội dung về công tác SXKD trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 đề ra. Cụ thể:

- Tổng sản lượng điện thương phẩm: 80,70 triệu kWh đạt 94,94% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ 2012.

- Doanh thu đạt 104,56% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ 2012.

- Tỷ lệ cổ tức dự kiến chia cho cổ đông là 38,09%/mệnh giá CP đạt 108,81% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ 2012 là 35%/mệnh giá CP.

Riêng kế hoạch sản lượng chỉ đạt 94,94 % so với Nghị quyết là do tình hình thời tiết năm qua diễn biến theo xu hướng xấu, lượng mưa thiếu hụt so với trung bình nhiều năm.

2. Tổ chức và nhân sự

* **Danh sách Ban điều hành:**

- Hội đồng quản trị:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ nắm giữ
Lê Kim Hùng	Chủ tịch	1956	30,52% Trong đó: - Đại diện sở hữu: 30,42% - Cá nhân sở hữu: 0,10%
Nguyễn Sơn	Ủy viên, kiêm Giám đốc	1960	0,10%
Trần Thừa Hàng	Ủy viên	1946	2,11%

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ nắm giữ
Trần Cao Hón	Ủy viên	1946	0,13%
Nguyễn Thành Vinh	Ủy viên	1956	0,32%

- Ban kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ nắm giữ
Tăng Tấn Ngân	Trưởng ban	1957	0,21%
Hồ Thăng Thu	Ủy viên	1968	0,11%
Nguyễn Đức Trọng	Ủy viên	1952	0,42%

- Ban Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Sơn	Giám đốc	1960	0,10%

- Kế Toán trưởng:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ nắm giữ
Phạm Đức Hùng	Kế Toán trưởng kiêm TP Nghiệp vụ	1965	0,13%

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

+ Ông Nguyễn Sơn - Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Sơn**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960

Nơi sinh: Lộc An, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế

CMND: 240285767, ngày cấp 13/10/2010 nơi cấp: CA tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Lộc An, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
 Địa chỉ thường trú: Phường Tân Tiến, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
 Số ĐT liên lạc: 0935334555
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

+ Từ 1985-1988 Kỹ sư giám sát tại Ban quản lý công trình thủy điện Đrây H'Linh
 + Từ 1989-1990 Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Ban quản lý công trình thủy điện Đrây H'Linh
 + Từ 1991-2003 Trưởng phòng Vật tư Vận tải – Điện lực Đắk Lắk
 + Từ 2003-2005 Quản đốc phân xưởng thủy điện – Điện lực Đắk Lắk
 + Từ 2005-2007 Phó Giám đốc Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3
 + Từ tháng 10/2007 – nay Giám đốc Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên HĐQT, kiêm Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 01/03/2012): 10.000 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

Những khoản nợ đối với Không

Công ty:

Lợi ích liên quan đối với Không

Công ty:

+ Ông Phạm Đức Hùng - Kế Toán trưởng kiêm Trưởng phòng Nghiệp vụ

Họ và tên:	Phạm Đức Hùng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/2/1965
Nơi sinh:	TP.Buôn Ma Thuột
CMND:	240240147, ngày cấp 18/9/2003, nơi cấp: CA Đắk Lắk
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tiên Lữ, Hưng Yên
Địa chỉ thường trú:	197, Hoàng Diệu, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
Số ĐT liên lạc	0906 851222
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

+ Từ 1983-2004	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán - Điện lực Đắk Lắk
+ Từ 2004- 2008	Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Điện lực Đắk Nông
+ Từ 2008 đến nay	Kế Toán trưởng kiêm Trưởng phòng Nghiệp vụ - Công Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế Toán trưởng kiêm Trưởng phòng Nghiệp vụ

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 01/03/2012): 12.600 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 12.600 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

*** Những thay đổi trong ban điều hành:**

Năm 2012 bộ máy tổ chức nhân sự của công ty hoạt động khá ổn định. Vì thế không có sự thay đổi trong ban điều hành.

*** Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2012 là 32 người. Trong đó:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo đối tượng lao động	32	100
- Lao động trực tiếp	18	56,25
- Lao động gián tiếp	14	43,75
II. Phân theo trình độ lao động	32	100
- Trình độ đại học	07	21,88
- Trình độ cao đẳng và trung cấp	19	59,38
- Lao động phổ thông	06	18,75

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Hiện tại, Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 không có công ty mẹ và công ty con.

- Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty nào và cũng không bị Công ty nào nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng VN

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	141.614	138.882	98,07
Doanh thu thuần	57.329	67.451	117,66
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.753	40.308	126,94
Lợi nhuận khác	24	0	0
Lợi nhuận trước thuế	31.777	40.308	126,85
Lợi nhuận sau thuế	30.652	38.587	125,88
Tỷ lệ lợi nhuận trên cổ phiếu (%)	32,27	40,62	125,88

Các chỉ tiêu khác: Không có.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,02	5,12	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,97	5,04	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,15	0,07	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,07	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	23,22	27,02	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,40	0,49	

<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,54	0,57	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,25	0,30	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,22	0,28	
	0,55	0,60	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Cổ phiếu phổ thông: 9.500.000 cổ phiếu (*Chín triệu năm trăm nghìn CP*)
- Mệnh giá: 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*)
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 95.000.000.000 đồng (*Chín mươi lăm tỷ đồng*)

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 14/01/2013:

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
A. Theo cổ đông lớn, cổ đông nhỏ	2.157	9.500.000	100,00
- Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên	01	2.890.000	30,42
- Cổ đông nắm giữ từ dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở xuống	2.156	6.610.000	69,58
B. Theo cổ đông tổ chức và cá nhân	2.157	9.500.000	100,00
1. Cổ đông trong nước:	2.156	9.499.800	100,00
- Tổ chức:	02	2.891.058	30,43
- Cá nhân:	2.154	6.608.742	69,57
2. Cổ đông nước ngoài:	01	200	0,00
- Tổ chức:	0	0	0,00
- Cá nhân:	01	200	0,00
C. Theo cổ đông nhà nước và cổ đông khác	2.157	9.500.000	100,00
1. Cổ đông Nhà nước	01	2.890.000	30,42
2. Cổ đông nội bộ (HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, KTT)	09	345.500	3,64
3. Cổ đông khác	2.147	6.264.500	65,94

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có cổ phiếu quỹ.

e) **Các chứng khoán khác:** Không có.

III. **Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC,

Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 báo cáo về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 gồm các nội dung sau:

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch năm 2012 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012:

- Sản lượng điện thương phẩm : 80,70 triệu kWh, đạt 94,94% so với KH 2012
- Tổng doanh thu : 67,45 tỷ đồng, vượt 4,56% so với KH 2012
- Tổng chi phí : 27,14 tỷ đồng, tăng 3,31% so với KH 2012
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 40,31 tỷ đồng, vượt 5,41% so với KH 2012
- Thuế TNDN : 1,72 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 38,59 tỷ đồng, vượt 6,23% so với KH 2012
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu : 4.062 đồng/cổ phiếu.

Trong các chỉ tiêu về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh thì các chỉ tiêu không đạt là:

+ Sản lượng điện thương phẩm chỉ đạt 94,93 % so với Nghị quyết là do tình hình thời tiết năm qua diễn biến theo xu hướng xấu, lượng mưa thiếu hụt so với trung bình nhiều năm.

+ Tổng chi phí tăng 3,31% so với kế hoạch là do các chi phí tăng tương như đơn giá tính thuế tài nguyên nước trong sản xuất thủy điện, tiền lương.

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

* Những cải tiến về cơ cấu tổ chức

- Bộ máy quản lý gọn nhẹ mà hiệu quả, đội ngũ CBCNV trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn vững vàng, được đào tạo bài bản, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc và có tinh thần đoàn kết tập thể rất cao.

- Chất lượng của đội ngũ quản lý được chủ trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế.

* Về trách nhiệm xã hội:

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, nghĩa vụ với người lao động và xã hội. Trong năm 2012, Công ty đã tham gia các công tác xã hội như: tặng quà cho các gia đình chính sách, hộ nghèo của xã Eapô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông nhân dịp đón xuân Nhâm Thìn 2012, hỗ trợ cho Hội nạn nhân chất độc màu da cam huyện Cư Jút và của tỉnh Đắk Nông....

* Các biện pháp kiểm soát:

Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo của Ban điều hành đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Các báo cáo với các cơ quan cấp trên và Ban Ngành liên quan được thực hiện đầy đủ.

2. **Tình hình tài chính:**

a) **Tình hình tài sản:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2011	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Tài sản ngắn hạn	48.739	42.185	15,54%
2	Tài sản dài hạn	90.142	99.429	(9,34)%
	Tổng cộng	138.881	141.614	

Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2012:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	60.082.116.557	86.524.815.289	1.120.293.365	235.001.002	1.517.246.471	149.479.472.684
Mua sắm trong năm	712.560.001	229.150.760	-	60.527.273	-	1.002.238.034
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	60.794.676.558	86.753.966.049	1.120.293.365	295.528.275	1.517.246.471	150.481.710.718
Khấu hao						
Số đầu năm	7.945.845.089	41.037.232.394	1.004.233.022	128.710.214	202.714.053	50.318.734.772
Khấu hao trong năm	1.681.370.947	8.280.055.884	73.301.280	46.098.157	193.405.812	10.274.232.080
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	9.627.216.036	49.317.288.278	1.077.534.302	174.808.371	396.119.865	60.592.966.852
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	52.136.271.468	45.487.582.895	116.060.343	106.290.788	1.314.532.418	99.160.737.912
Số cuối năm	51.167.460.522	37.436.677.771	42.759.063	120.719.904	1.121.126.606	89.888.743.866

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 694.992.092 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

* Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ tăng/ giảm
1	Nợ ngắn hạn	9.513.918.000	7.357.337.719	29,31%
2	Nợ dài hạn	0	13.569.691.164	(100)%
	Tổng cộng	9.513.918.000	20.927.028.883	

* Tình hình vay nợ hiện tại:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tình hình dư nợ vay	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ tăng/ giảm
1	Vay và nợ ngắn hạn	0	0	0,00%
2	Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0	0,00%
3	Vay và nợ dài hạn	0	13.569.691.164	(100)%
	Tổng cộng	0	13.569.691.164	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ mà hiệu quả, đội ngũ CBCNV trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn vững vàng, được đào tạo bài bản, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc và có tinh thần đoàn kết tập thể rất cao. Mặt khác, trong năm công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, cắt giảm các chi phí không cần thiết, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty ngày 16/4/2010 thì Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3 giao cho HĐQT và Giám đốc Công ty tiến hành xin chủ trương đầu tư dự án thủy điện Drây H'Linh 4 với tổng công suất lắp máy là 20MW, chọn một đơn vị tư vấn độc lập đủ năng lực để thẩm định tính hiệu quả của dự án.

Hiện nay, do tình hình thị trường tài chính chưa ổn định và thời tiết diễn biến có xu hướng bất lợi cho công tác vận hành thủy điện nên dự kiến trong năm 2013 Công ty chưa thực hiện dự án trên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Sau 6 năm đi vào hoạt động, Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 đã gặt hái được những thành công nhất định. Công tác sản xuất kinh doanh ngày càng ổn định. Công ty đã xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn và chuyên nghiệp. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên để ngày càng có trình độ chuyên môn vững vàng.

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2012, tình hình thực hiện so với kế hoạch: (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm...)

- Sản lượng điện thương phẩm : 80,70 triệu kWh, đạt 94,94% so với KH 2012
- Tổng doanh thu : 67,45 tỷ đồng, vượt 4,56% so với KH 2012
- Tổng chi phí : 27,14 tỷ đồng, tăng 3,31% so với KH 2012
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 40,31 tỷ đồng, vượt 5,41% so với KH 2012
- Thuế TNDN : 1,72 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 38,59 tỷ đồng, vượt 6,23% so với KH 2012
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu : 4.062 đồng/cổ phiếu.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Với quyết tâm rất cao của Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV chủ động đối mặt với khó khăn, nỗ lực thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả là đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế và tất cả các nội dung đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất của công ty tiếp tục ổn định và ngày càng phát huy tác dụng, làm cho hiệu quả công việc ngày càng được cải thiện và tiết kiệm chi phí hoạt động. Công ty đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, xây dựng văn hoá doanh nghiệp...

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Mục tiêu quan trọng trong năm 2013 và các năm tới là duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng việc vận hành an toàn và hiệu quả nhà máy thủy điện Dray H'linh 2.

- Nghiên cứu, tìm kiếm các vị trí để phát triển thủy điện trên địa bàn Tây Nguyên.

- Mục tiêu kinh doanh 2013:

- + Tổng sản lượng : 75,18 triệu kWh.
- + Tổng doanh thu : 61,27 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 35,30 tỷ đồng
- + Lãi cơ bản trên cổ phiếu : 3.530 đồng/cổ phiếu

V. Quản trị công ty:**1. Hội đồng quản trị:**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/ Độc lập không điều hành	Chức vụ tại các tổ chức khác	Số cổ phần sở hữu
1	Lê Kim Hùng	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	P. Tổng Giám đốc Tổng Cty Điện lực Miền Trung	+ ĐD: 2.890.000 + Sở hữu: 10.000
2	Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	Giám đốc	-	10.000
3	Trần Thừa Hàng	Thành viên HĐQT	Không điều hành	-	200.900
4	Trần Cao Hớn	Thành viên HĐQT	Không điều hành	-	12.000
5	Nguyễn Thành Vinh	Thành viên HĐQT	Không điều hành	Giám đốc Cty CP Điện lực Sông Hàn	30.000

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2012 Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, thông qua kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng; thông qua việc thực hiện các đợt chi trả cổ tức và đặc biệt là việc thông qua việc chọn mức giá tham chiếu và ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu DRL của Công ty.

Qua các cuộc họp, HĐQT đã quyết định được các vấn đề sau:

- Nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012.

- Các quyết định quản lý điều hành công ty liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

- Thông qua kết quả thực hiện SXKD và báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm.

- Thông qua ngày thực hiện chi trả cổ tức các đợt của năm 2012.

- Thông qua mức giá tham chiếu và lựa chọn ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu DRL của Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Các thành viên hội đồng quản trị không điều hành hoạt động với vai trò giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt

động theo đúng pháp luật, điều lệ công ty, phù hợp với các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHĐCĐ, HĐQT.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

2. **Ban Kiểm soát:**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ
1	Tăng Tấn Ngân	1957	Trưởng ban	20.000
2	Hồ Thăng Thu	1968	Thành viên	10.000
3	Nguyễn Đức Trọng	1952	Thành viên	40.000

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên. Trong năm 2012 các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Đại diện Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến vào các cuộc họp quan trọng của HĐQT, theo sát tình hình hoạt động và định hướng phát triển của Công ty và tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

- Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và báo cáo kiểm toán năm 2012 của Công ty.

(đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

* Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được Đại hội cổ đông thường niên thông qua, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng.
- Trưởng Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát: 2.500.000 đồng/tháng.
- Thư ký Công ty: 2.000.000 đồng/tháng.

* Đối với Ban Giám đốc, Kế Toán trưởng và các cán bộ quản lý khác của công ty thì chế độ về lương, thưởng và các khoản lợi ích khác được tính theo Hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước ban hành tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP, ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

- b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có giao dịch.
- c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến của kiểm toán:



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 149/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 16/01/2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Xuân Vạn
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

Nguyễn Trung Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1380/KTV

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

2.1. Bảng cân đối kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3
Xã Eapô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.739.436.271	42.184.999.875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.964.959.994	30.475.441.512
1. Tiền	111	5	635.068.947	975.441.512
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	29.329.891.047	29.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.977.545.303	10.744.426.848
1. Phải thu khách hàng	131		17.325.673.145	9.976.277.071
2. Trả trước cho người bán	132		351.500.000	113.500.000
3. Các khoản phải thu khác	135	7	768.230.559	654.649.777
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(467.858.401)	-
IV. Hàng tồn kho	140		780.930.974	949.131.515
1. Hàng tồn kho	141	9	780.930.974	949.131.515
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.000.000	16.000.000
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	16.000.000	16.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.142.207.795	99.428.843.429
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		90.142.207.795	99.428.843.429
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	89.888.743.866	99.160.737.912
- Nguyên giá	222		150.481.710.718	149.479.472.684
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.592.966.852)	(50.318.734.772)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	6.666.656	21.308.244
- Nguyên giá	228		85.000.000	85.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.333.344)	(63.691.756)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	246.797.273	246.797.273
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		138.881.644.066	141.613.843.304

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Xã Eapô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.513.918.000	20.927.028.883
I. Nợ ngắn hạn	310		9.513.918.000	7.357.337.719
1. Phải trả người bán	312		241.670.781	204.010.111
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2.692.424.559	3.514.437.142
3. Phải trả người lao động	315		1.604.761.738	754.772.671
4. Chi phí phải trả	316	15	3.347.663.820	1.733.758.020
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	84.397.468	64.569.959
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.542.999.634	1.085.789.816
II. Nợ dài hạn	330		-	13.569.691.164
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	-	13.569.691.164
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		129.367.726.066	120.686.814.421
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	129.367.726.066	120.686.814.421
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	95.000.000.000	95.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	18	1.462.308.448	1.462.308.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	1.319.983.751	1.219.983.751
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	470.000.000	470.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	31.115.433.867	22.534.522.222
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		138.881.644.066	141.613.843.304



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3
Xã Eapô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	65.671.879.315	55.239.892.305
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	65.671.879.315	55.239.892.305
4. Giá vốn hàng bán	11	20	23.374.717.155	20.089.769.195
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		42.297.162.160	35.150.123.110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.778.729.231	2.047.622.819
7. Chi phí tài chính	22	22	393.547.731	3.412.473.341
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		393.547.731	3.412.473.341
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.374.463.726	2.032.210.282
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.307.879.934	31.753.062.306
11. Thu nhập khác	31	23	-	41.429.586
12. Chi phí khác	32	24	-	17.500.000
13. Lợi nhuận khác	40		-	23.929.586
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	40.307.879.934	31.776.991.892
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.720.471.969	1.124.664.649
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	38.587.407.965	30.652.327.243
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	4.062	3.227



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà

2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3
Xã Eapô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	64.889.671.173	57.348.592.267
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(6.643.106.736)	(4.291.715.174)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.660.808.513)	(3.701.361.335)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(393.547.731)	(3.412.473.341)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.974.587.040)	(160)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.133.151.267	230.237.060
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.052.105.638)	(6.384.551.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.298.666.782	39.788.728.007
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.002.238.034)	(199.128.998)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.787.780.898	2.021.198.645
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	785.542.864	1.822.069.647
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.603.930.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.173.621.164)	(14.200.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.025.000.000)	(19.007.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(41.594.691.164)	(33.207.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(510.481.518)	8.403.797.654
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	30.475.441.512	22.071.643.858
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29.964.959.994	30.475.441.512



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà

2.4. Thuyết minh Báo cáo tài chính:

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Thủy Điện - Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000163 ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07 tháng 07 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6303000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ – SGDHCM ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11/04/2012.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Tư vấn các công trình điện;
- Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, các công trình xây dựng dân dụng - công nghiệp.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	10 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	8

4.6 Tài sản cố định vô hình**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Phần mềm máy tính

3

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:
 - Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Nhà máy điện ĐRâyH' Linh2 đi vào hoạt động từ tháng 2 năm 2007, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2007 đến năm 2021.

- Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được miễn thuế trong 4 năm (2007- 2010) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (2011-2019).

Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định 124/2008/NĐ - CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

- Thuế nhập khẩu và tiền thuê đất.

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được (có danh mục máy móc, thiết bị kèm theo).
- Theo Hợp đồng thuê đất số 21/HĐTD ngày 23/07/2009 thì Công ty đã ký hợp đồng thuê 220.352 m² đất với thời hạn 50 năm (từ ngày 01/07/2004 đến ngày 01/07/2054) tại xã Eapo, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông để xây dựng nhà máy thủy điện Dray H'Linh 2. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 13 năm từ năm 2004 đến năm 2016.

Những ưu đãi về thuế nhập khẩu, tiền thuê đất được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 63121000107 ngày 27/06/2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông.

- Các loại Thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	71.388.319	19.519.293
Tiền gửi ngân hàng	563.680.628	955.922.219
Cộng	635.068.947	975.441.512

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	29.329.891.047	15.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Đắk Lắk	1.585.132.042	5.000.000.000
- Ngân hàng Công Thương - CN Đắk Lắk	20.844.759.005	10.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - CN Đà Nẵng	6.900.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 2 tuần	-	14.500.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Đắk Lắk	-	14.500.000.000
Cộng	29.329.891.047	29.500.000.000

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ban quản lý Dự án Thủy điện vừa và nhỏ	-	1.250.027
Thuế thu nhập cá nhân	138.532.984	14.650.508
Phải thu lãi tiền gửi	161.839.174	170.890.841
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Trung	467.858.401	467.858.401
Cộng	768.230.559	654.649.777

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Trung	467.858.401	-
Cộng	467.858.401	-

9. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	778.310.974	946.511.515
Công cụ, dụng cụ	2.620.000	2.620.000
Cộng	780.930.974	949.131.515

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	16.000.000	16.000.000
Cộng	16.000.000	16.000.000

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	60.082.116.557	86.524.815.289	1.120.293.365	235.001.002	1.517.246.471	149.479.472.684
Mua sắm trong năm	712.560.001	229.150.760	-	60.527.273	-	1.002.238.034
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	60.794.676.558	86.753.966.049	1.120.293.365	295.528.275	1.517.246.471	150.481.710.718
Khấu hao						
Số đầu năm	7.945.845.089	41.037.232.394	1.004.233.022	128.710.214	202.714.053	50.318.734.772
Khấu hao trong năm	1.681.370.947	8.280.055.884	73.301.280	46.098.157	193.405.812	10.274.232.080
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	9.627.216.036	49.317.288.278	1.077.534.302	174.808.371	396.119.865	60.592.966.852
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	52.136.271.468	45.487.582.895	116.060.343	106.290.788	1.314.532.418	99.160.737.912
Số cuối năm	51.167.460.522	37.436.677.771	42.759.063	120.719.904	1.121.126.606	89.888.743.866

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 694.992.092 đồng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Phần mềm HT Website VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	60.000.000	25.000.000	85.000.000
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	60.000.000	25.000.000	85.000.000
Khấu hao			
Số đầu năm	40.000.000	23.691.756	63.691.756
Khấu hao trong năm	6.666.678	7.974.910	14.641.588
Phân loại lại tài sản	6.666.666	(6.666.666)	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	53.333.344	25.000.000	78.333.344
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	20.000.000	1.308.244	21.308.244
Số cuối năm	6.666.656	-	6.666.656

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự án Thủy điện Krông Bông	22.727.273	22.727.273
Dự án Thủy điện ĐrayHlình 4	224.070.000	224.070.000
Cộng	246.797.273	246.797.273

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.582.670.934	1.854.748.782
Thuế thu nhập doanh nghiệp	870.549.579	1.124.664.649
Thuế thu nhập cá nhân	120.408.564	29.036.488
Thuế tài nguyên	118.795.482	505.987.223
Cộng	2.692.424.559	3.514.437.142

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phí môi trường rừng (i)	3.347.663.820	1.733.758.020
Cộng	3.347.663.820	1.733.758.020

(i) Theo Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ thì các cơ sở sản xuất thủy điện phải trả phí dịch vụ môi trường rừng là 20 đồng/1kwh điện thương phẩm từ ngày 01/01/2011.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	54.259.783	51.969.959
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.137.685	12.600.000
Cộng	84.397.468	64.569.959

17. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
a. Vay dài hạn	-	13.569.691.164
- Vay Ngân hàng Công Thương - CN Đà Nẵng	-	13.569.691.164
b. Nợ dài hạn	-	-
Cộng	-	13.569.691.164

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2011	95.000.000.000	1.462.308.448	1.119.983.751	-	12.971.423.334	110.553.715.533
Tăng trong năm	-	-	100.000.000	470.000.000	30.652.327.243	31.222.327.243
Giảm trong năm	-	-	-	-	21.089.228.355	21.089.228.355
Số dư tại 31/12/2011	95.000.000.000	1.462.308.448	1.219.983.751	470.000.000	22.534.522.222	120.686.814.421
Số dư tại 01/01/2012	95.000.000.000	1.462.308.448	1.219.983.751	470.000.000	22.534.522.222	120.686.814.421
Tăng trong năm	-	-	100.000.000	-	38.587.407.964	38.687.407.964
Giảm trong năm	-	-	-	-	30.006.496.319	30.006.496.319
Số dư tại 31/12/2012	95.000.000.000	1.462.308.448	1.319.983.751	470.000.000	31.115.433.867	129.367.726.066

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	28.900.000.000	28.900.000.000
Vốn góp của Cổ đông khác	66.100.000.000	66.100.000.000
Cộng	95.000.000.000	95.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu thường	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu thường	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	22.534.522.222	12.971.423.334
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	38.587.407.964	30.652.327.243
Phân phối lợi nhuận	30.006.496.319	21.089.228.355
Phân phối lợi nhuận năm trước	22.539.000.000	13.023.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	470.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	100.000.000	100.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.000.000
- Trả cổ tức cho cổ đông	22.439.000.000	12.445.000.000
- Trích cổ tức bổ sung năm trước	-	7.000.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	7.467.496.319	8.066.228.355
+ Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.881.496.319	1.511.228.355
+ Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông	5.586.000.000	6.555.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31.115.433.867	22.534.522.222

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của năm 2011 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 45/2012/NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 20/04/2012.

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 20 tháng 4 năm 2012 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 với tỷ lệ 30,52%/Vốn điều lệ. Theo đó, trừ số cổ tức đã tạm ứng đợt 1, Công ty đã tiếp tục chi trả phần còn lại tương ứng 22.439.000.000 đồng. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 cũng thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 là 5,88%/vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 tương ứng 5.586.000.000 đồng.

Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2012 vào ngày 14/01/2013. Tỷ lệ cổ tức tạm ứng là 20%. Thời gian chi trả vào ngày 28/01/2013.

19. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	65.671.879.315	55.239.892.305
+ <i>Doanh thu bán điện thương phẩm</i>	65.671.879.315	55.239.892.305
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.671.879.315	55.239.892.305

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn điện thương phẩm	23.374.717.155	20.089.769.195
Cộng	23.374.717.155	20.089.769.195

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.778.729.231	2.047.622.819
Cộng	1.778.729.231	2.047.622.819

22. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	393.547.731	3.412.473.341
Cộng	393.547.731	3.412.473.341

23. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập từ bán phế liệu	-	41.369.526
Thu nhập khác	-	60.060
Cộng	-	41.429.586

24. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Phạt hành chính	-	17.500.000
Cộng	-	17.500.000

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.307.879.934	31.776.991.892
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	339.490.000	314.674.000
+ Điều chỉnh tăng	339.490.000	314.674.000
- Chi phí không hợp lệ	75.490.000	50.674.000
- Phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành	264.000.000	264.000.000
+ Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	40.647.369.934	32.091.665.892
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện	39.262.188.434	32.050.236.306
- Thu nhập từ hoạt động khác	1.385.181.500	41.429.586
+ Thu nhập từ bán phế phẩm	-	41.369.526
+ Thu nhập khác	1.385.181.500	60.060
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.272.514.218	3.209.175.599
- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện (10%)	3.926.218.843	3.205.023.631
- Hoạt động khác (25%)	346.295.375	4.151.968
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	2.552.042.248	2.084.510.950
- Thuế TNDN được miễn, giảm theo NĐ124/2008/BTC	1.963.109.422	1.602.511.815
- Thuế TNDN được giảm theo NQ08/2011/QH13	-	481.999.135
- Thuế TNDN được giảm theo NQ29/2012/QH13	588.932.826	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.720.471.970	1.124.664.649
Lợi nhuận sau thuế TNDN	38.587.407.964	30.652.327.243

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.587.407.964	30.652.327.243
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	38.587.407.964	30.652.327.243
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.062	3.227

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.314.016.334	313.303.664
Chi phí nhân công	4.343.089.407	3.837.106.953
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.288.873.668	10.215.509.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.080.477	351.880.950
Chi phí khác bằng tiền	10.424.762.583	7.404.178.218
Cộng	26.763.822.469	22.121.979.477

28. Công cụ tài chính**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính tại Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá hàng hóa, nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu

Công ty mua nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa, nguyên liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng duy nhất của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Điện Lực Miền Trung. Với đặc kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Chi phí phải trả	3.347.663.820	-	3.347.663.820
Phải trả người bán	241.670.781	-	241.670.781
Phải trả khác	30.137.685	-	30.137.685
Cộng	3.619.472.286	-	3.619.472.286

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	-	13.569.691.164	13.569.691.164
Phải trả người bán	204.010.111	-	204.010.111
Chi phí phải trả	1.733.758.020	-	1.733.758.020
Phải trả khác	12.600.000	-	12.600.000
Cộng	1.950.368.131	13.569.691.164	15.520.059.295

Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và tương đương tiền	29.964.959.994	-	29.964.959.994
Phải thu khách hàng	16.857.814.744	-	16.857.814.744
Phải thu khác	768.230.559	-	768.230.559
Cộng	47.591.005.297	-	47.591.005.297

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và tương đương tiền	30.475.441.512	-	30.475.441.512
Phải thu khách hàng	9.976.277.071	-	9.976.277.071
Phải thu khác	654.649.777	-	654.649.777
Cộng	41.106.368.360	-	41.106.368.360

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận kinh doanh duy nhất (sản xuất điện năng) và một bộ phận địa lý chính là tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

30. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	65.671.879.315	55.239.892.305

c. Số dư với các bên có liên quan

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (bán điện)	17.325.673.145	9.976.277.071

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Sơn

Đắk Nông, ngày 16 tháng 01 năm 2013

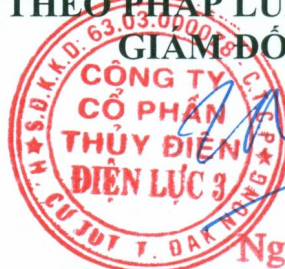
Kế toán trưởng

Phạm Đức Hùng

Người lập biểu

Trần Thanh Hà

Đắk Nông, ngày 25 tháng 03 năm 2013
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIAM ĐỐC



Nguyễn Sơn